TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/DS-ST
Ngày: 14-10-2021
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Đình Xiềng

2. Bà Nguyễn Thị Mý

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà***: Ông Lê Đình Hợp – Kiểm sát viên;

Trong ngày 14 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đặng Thị T; địa chỉ: Đội B, xã T huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Hà Văn Đ và bà Vũ Thị H; địa chỉ: Đội C, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Đặng Thị T trình bày: Ngày 27-3-2018, ông Hà Văn Đ và bà Vũ Thị H nhờ bà Đặng Thị T đứng ra vay tiền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện G Đ Gia Lai (Ngân hàng) và về cho ông Đ và bà H vay lại số tiền 200.000.000 đồng. Khi vay, hai bên thỏa thuận ông Đ và bà H tự trả tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng khi đến hạn theo Hợp đồng tín dụng bà T ký kết với Ngân hàng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, thời gian đầu ông Đ và bà H thực hiện đúng cam kết về việc trả tiền lãi cho Ngân hàng. Tuy nhiên, đến ngày 27-12-2019 ông Đ và bà H không tiếp tục thực hiện việc trả nợ lãi và nợ gốc cho Ngân hàng. Bà T nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà H trả nợ nhưng bà H hứa đến tháng 12-2020 nhận được sổ hưu sẽ vay tiền trả cho bà T. Tuy nhiên, đến nay bà H đã nghỉ hưu nhưng bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà T. Khi bà T cho bà H và ông Đ vay tiền, không có mặt của ông Đ, chỉ có mặt bà H ký vào giấy đề ngày 27-3-2018. Sau này tại giấy cam kết ủy quyền sổ hưu, ông Đ chỉ ký vào phần người làm chứng. Do đó, bà T không xác định được số tiền trên ông Đ và bà H có cùng sử dụng chung hay không, nên bà T thay đổi yêu cầu một phần yêu cầu khởi kiện, tại phiên

tòa chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng là 11%/năm và lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến khi bà H trả hết nợ, không yêu cầu ông Đ trả nợ.

2. Tòa án đã thực hiện tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn Hà Văn Đ và Vũ Thị H đến làm việc liên quan đến vụ án và cung cấp chứng cứ để chứng minh nhưng họ cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập và không cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của họ.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ: 01 giấy không có tiêu đề, đề ngày 27-03-2018; 01 giấy cam kết đề ngày 29-6-2020; 01 giấy cam kết ủy quyền sổ hưu đề ngày 3-7-2020; 01 bản tự khai của bà Đặng Thị T; 01 Hợp đồng tín dụng số 863/2018/HĐTD ngày 27-3-2018; 01 giấy báo nợ quá hạn; 01 giấy nộp tiền; Tòa án không thu thập và bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ.

4. Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với bị đơn Hà Văn Đ và Vũ Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn Hà Văn Đ và Vũ Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được và Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu ông Đ và bà H trả nợ, tại phiên tòa bà T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện buộc một mình bà H trả nợ là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về số tiền nợ: Chứng cứ mà bà Đặng Thị T cung cấp là 01 giấy không có tiêu đề, đề ngày 27-03-2018, 01 giấy cam kết đề ngày 29-6-2020, 01 giấy cam kết ủy quyền sổ hưu đề ngày 3-7-2020 đã thể hiện rõ ngày 27-3-2018, bà Vũ Thị H nhờ bà Đặng Thị T đứng ra vay tiền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện G Đ Gia Lai (Ngân hàng) và về cho bà H vay lại số tiền 200.000.000 đồng. Khi vay, hai bên thỏa thuận bà H tự trả tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng khi đến hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, thời gian đầu bà H thực hiện đúng cam kết về việc trả tiền lãi cho Ngân hàng. Tuy nhiên, đến ngày 27-12-2019 bà H không tiếp tục thực hiện việc trả nợ lãi và nợ gốc cho Ngân hàng. Ông Đ và bà H không có ý kiến gì phản đối các chứng cứ mà bà T đã cung cấp và lời khai của bà T. Từ những phân tích trên, căn cứ vào quy định tại Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc bà H phải trả cho bà T toàn bộ số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng.

[3] Về tiền lãi: Bà T yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất bà T vay của Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 863/2018/HĐTD ngày 27-3-2018 gồm lãi trong hạn là 11%/năm và lãi suất quá hạn là 16,5%/năm là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với thỏa thuận giữa hai bên về việc bà T là người đứng ra vay tiền giúp bà H và bà H là người phải trả tiền gốc và lãi khi đến hạn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi trong hạn từ ngày 27-12-2019 đến ngày 27-3-2020 là 200.000.000 đồng x 0,917%/tháng x 03 tháng = 5.502.000 đồng; tiền lãi quá hạn tính từ 28-3-2020 đến ngày xét xử (ngày 14-10-2021) là 200.000.000 đồng x 16,5%/năm x 01 năm + 200.000.000 đồng x 1,375%/tháng x 06 tháng + 200.000.000 đồng x 0,0452%/ngày x 17 ngày = 51.036.800 đồng. Tổng cộng tiền lãi là 56.538.800 đồng.

[4] Về số tiền phải trả: Bà Vũ Thị H phải trả cho bà Đặng Thị T toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 14-10-2021 là 256.538.800 đồng (200.000.000 đồng tiền gốc + 56.538.800 đồng tiền lãi).

[5] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T.

Buộc bà Vũ Thị H phải trả cho bà Đặng Thị T toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 14-10-2021 là 256.538.800 đồng (hai trăm năm mươi sáu triệu năm trăm ba mươi tám nghìn tám trăm đồng). Trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và tiền nợ lãi 56.538.800 đồng (năm mươi sáu triệu năm trăm ba mươi tám nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bà Vũ Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 12.826.940 đồng (mười hai triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm bốn mươi đồng); Bà Đặng Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Đặng Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.984.250 đồng (năm triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011934 ngày 11-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện G;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Lưu HSVA, THADS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính